

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 6 - 2020

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thùy Dung – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 01/5/1994;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Chen Guan H, sinh ngày 27/11/1989.

Địa chỉ: 46/4/7 Lộ T, khóm 010, phường Đ, khu Đ, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.

(Bà O có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Năm 2018, bà quen biết ông Chen Guan H qua một người chị, sau quá trình tìm hiểu, ông bà tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T vào ngày 17/12/2018. Sau khi kết hôn bà vẫn sống ở Việt Nam nhưng có sang Đài Loan thăm chồng. Chồng bà là ông Chen Guan H từ khi kết hôn đến nay không về Việt Nam. Bà nhận thấy hôn nhân không như ý do bất đồng ngôn ngữ, bà không thích nghi

được với pH tục tập quán bên chồng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Chen Guan H.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Chen Guan H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Chen Guan H vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Chen Guan H.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Chen Guan H là hôn nhân hợp pháp, thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn bà Nguyễn Thị Kiều O cho rằng sau khi kết hôn do bất đồng về ngôn ngữ, pH tục tập quán và khoảng cách địa lý nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến ly thân không liên lạc với nhau. Sau khi cưới nhau ông Chen Guan H về Đài Loan không quan tâm và liên lạc với bà. Đối với ông Chen Guan H Tòa án đã thực hiện ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà O.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Chen Guan H hai bên đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Sau khi cưới, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Chen Guan H không có thời gian chung sống với nhau. Hiện tại bà O xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà O và ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà

Nguyễn Thị Kiều O đối với ông Chen Guan H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3]. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

[4]. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Bà O phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà O đã nộp theo biên lai 0036637 ngày 31/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Chen Guan H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Chen Guan H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp 300.000đ theo biên lai 0007127 ngày 02/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu phí ủy thác tư pháp với số tiền 200.000đ theo biên lai 0036913 ngày 19/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Chen Guan H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường